| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 236/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 11 – 2025
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Như .

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Trần Hoàng Giang.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2025/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096187004378, ngày cấp 28/6/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp Ông L, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096090016779, ngày cấp 24/6/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/11/2025: Bà Nguyễn Thị N vẫn giữ quan điểm khởi kiện và yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 04/11/2025 ông Nguyễn Văn T trình bày: Về hôn nhân đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Về nuôi con chung: Không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Văn T cư trú tại ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2022 ngày 03/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà N nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân không hoà thuận, không hạnh phúc, thường xuyên cự cải. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, bất đồng ý kiến và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Ông T đồng ý ly hôn. Xét

thấy, mâu thuẫn của bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002167 ngày 16 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Đất Mũi, tỉnh Cà Mau;
(Giấy CNKH số 20 ngày 03/3/2022)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Như**